

Bản án số: 143/2023/HS-PT

Ngày: 25/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

 ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Thành An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 565/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo **Võ Thành C, Nguyễn Hữu A** và các bị cáo khác về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Đánh bạc*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1035/2023/QĐXXPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Thành C; sinh ngày 28/10/1977 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Thành T (đã chết); con bà: Nguyễn Thị L (đã chết); vợ: Đinh Thị Thủy T, sinh năm 1980; có 2 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 02/8/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 08 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo bản án số 70/HSST.

- Ngày 08/9/2005, bị Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/4/2021, tạm giam cho đến ngày 03/11/2021 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, vắng mặt và có đơn xin rút kháng cáo.

2. Nguyễn Thị Tuyết S; sinh ngày 14/4/1977, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: uốn tóc; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (đã chết); con bà: Hồ Thị M, sinh năm 1964; chồng: Lê Huỳnh Quang T, sinh năm 1968 (đã ly hôn); có 1 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 12/3/2008, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt và có đơn xin rút kháng cáo.

3. Nguyễn Hữu A; sinh ngày 01/01/1970, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu K, sinh năm 1946; con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1949; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; có 3 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Phan Công T; sinh ngày 07/6/1978, tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ làm giày dép; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Công H (đã chết); con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1941; vợ: Chế Thị L, sinh năm 1977; có 3 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S:* Luật sư Đặng Thị Ngọc H - Công ty luật TNHH N và Cộng sự; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Phan Công T:* Luật sư Phạm Thị X và Luật sư N – Công ty luật TNHH MTV N, Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt và có gửi Luận cứ bào chữa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ ngoài xã hội với nhau từ trước, khoảng cuối năm 2019 đến tháng 3 năm 2021, Trương Hữu L cùng với Nguyễn Thị Trúc L, Võ Thành

C, Bùi Thanh T, Phạm H, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S, bàn bạc với nhau, phân công vai trò của từng người như tìm kiếm các con mồi (người có điều kiện về kinh tế, chủ thầu xây dựng, chủ cơ sở sản xuất) giả vờ liên hệ đặt hàng hoặc thuê thi công rồi mời đến ăn uống giao lưu công việc. Khi “con mồi” đến cùng ăn uống, thì cả nhóm thay nhau mời uống bia, tạo ra các tình huống tình cờ gặp nhau rồi rủ đánh bạc. Nghĩ là đánh bạc thắng thua bằng tiền, không có gian dối gì nên Nguyễn Hữu A, Phan Công T, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B, Hồ Công V cùng tham gia đánh bạc. Nhóm L đem theo nhiều tiền (tiền mồi), chia nhau để trước sòng bạc nhằm tạo niềm tin, kích thích lòng tham, nếu người chơi thua hết tiền thì cho mượn tiền để đánh bạc tiếp. Như đã bàn bạc, phân công từ trước, khi vào đánh bạc thì nhóm của L dùng thủ đoạn gian dối bằng cách đổi bài cho nhau, chia thêm bài hoặc giấu bài, nhanh tay mở đĩa để cho đồng bọn nhìn thấy các con vị nhằm đánh trúng kết quả để lừa chiếm đoạt tiền của những bị hại.

Với thủ đoạn trên, các bị cáo đã chiếm đoạt của 05 người trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế gồm Nguyễn Hữu A, Phan Công T, Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Tất B, Hồ Công V tổng cộng 1.214.500.000đ, trong đó: Nguyễn Thị Tuyết S thực hiện 02 lần, chiếm đoạt số tiền 344.500.000đ; Võ Thành C thực hiện 02 lần, chiếm đoạt số tiền 270.000.000đ. Sau khi chiếm đoạt được tiền của những người bị hại, tùy vào công sức đóng góp, các bị cáo chia nhau tiêu xài cá nhân, cụ thể:

1. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Hữu A: Do biết thông tin Nguyễn Hữu A làm nghề cơ khí nên Võ Thành C giả vờ đến thuê làm kho hàng bằng sắt cho Nguyễn Thị Trúc L và hẹn anh Nguyễn Hữu A đến quán K, xã T, thị xã H ăn uống và làm hợp đồng thi công. Nguyễn Hữu A không nghi ngờ gì nên đến, trong quá trình ăn uống với nhau thì Trương Hữu L rủ đánh bạc bằng hình thức chơi bài xì lát. Nghĩ là đánh bạc thắng thua bằng tiền nên Nguyễn Hữu A đồng ý, như đã bàn bạc từ trước, khi đánh bài thì nhóm của L sẽ đổi bài cho nhau để thắng bài, chiếm đoạt tiền, cụ thể các lần như sau:

- *Lần 1:* Ngày 24/12/2020, tại nhà nghỉ M, phường V, Thành phố H. Trương Hữu L đem theo 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S đem theo 11.000.000 đồng, Võ Thành C đem theo 10.000.000 đồng để “làm mồi” đánh bạc, Nguyễn Thị Trúc L tham gia giúp sức. Nguyễn Hữu A không đem theo tiền, được Trương Hữu L và Nguyễn Thị Trúc L cho mượn 80.000.000 đồng cùng đánh bạc với Nguyễn Thị Tuyết S; Võ Thành C và thua hết. Sau đó, Nguyễn Hữu A trả nợ Trương Hữu L và Nguyễn Thị Trúc L số tiền 80.000.000 đồng, Hữu L chia đều cho bốn người, mỗi người 20.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 111.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 25/12/2020 tại nhà nghỉ M, phường V, thành phố H, Trương Hữu L đem theo 10.000.000 đồng, Võ Thành C đem theo 20.000.000 đồng, Bùi Thanh T đem theo 1.700.000 đồng, Nguyễn Hữu A không mang theo tiền, nên nhóm L cho mượn số tiền 190.000.000 đồng. Nguyễn Hữu A cùng Trương Hữu L, Võ Thành C và Bùi Thanh T trực tiếp đánh cờ bạc bịp bằng hình thức chơi

bài xì tây; Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Thị Tuyết S (không đánh). Cách thức chơi là lấy bộ bài gồm 52 lá để trên đĩa sứ, mỗi người chơi thay nhau chia bài, mỗi người 02 lá sau đó luân phiên bốc bài cho đủ mỗi người 5 lá bài và quy ước với nhau thứ tự là nhất tứ quý (4 lá bài trùng nhau), nhì phi ly (5 lá bài cùng một nước), tam suốt (từ 10 đến xì), tứ sáu (3 lá bài cùng trùng nhau với 2 con trùng nhau). Trong khi đánh thì L, C, T đổi bài cho nhau hoặc chia cho đồng bọn nhiều lá bài hơn (06 lá) để thắng bài. Nguyễn Hữu A thua 190.000.000 đồng, Trương Hữu L chia cho mình 40.000.000 đồng, Võ Thành C 40.000.000 đồng, Bùi Thanh T 55.000.000 đồng, Nguyễn Thị trúc L 32.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 221.700.000 đồng.

Lần 3: Cuối tháng 12/2020, tại nhà nghỉ T, đường T, phường V, thành phố H. Trương Hữu L đem theo 4.000.000 đồng cùng với đối tượng tên T (không xác định được họ tên, địa chỉ, là bạn quen biết ngoài xã hội của L), T đi cùng một bạn gái nói tên là U (không rõ lai lịch). Trương Hữu L cùng T, U đánh bài xì tây với thủ đoạn gian lận như đổi bài, chia thêm bài, thắng Nguyễn Hữu A số tiền 240.000.000 đồng. Sau đó, Trương Hữu L và T trực tiếp đòi nợ được 240.000.000 đồng. Trương Hữu L được chia 55.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng được chia 55.000.000 đồng, còn T được bao nhiêu tiền và cho U bao nhiêu tiền thì chưa xác định được. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 244.000.000 đồng.

2. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Tất B: Do biết Nguyễn Tất B làm thầu xây dựng nên ngày 01/02/2021 Trương Hữu L giao cho Nguyễn Thị Trúc L liên lạc với B mời ăn uống để ký hợp đồng xây nhà, B tin thật nên đồng ý. Sau khi ăn uống xong thì cả nhóm rủ B đến nghỉ Hải Hà, đường Hoàng Thông, phường V, Thành phố H đánh bạc bằng hình thức bài xì lát. B có đem theo 14.500.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S đem theo 2.000.000 đồng, Bùi Thanh T đem theo 2.000.000 đồng. Cả nhóm cùng nhau đánh bài xì lát, với phương thức đánh bài và thủ đoạn gian lận như đã nêu trên. B thua hết tiền 14.500.000 đồng. Nguyễn Thị Trúc L cho B mượn nhiều lần với số tiền 50.000.000 đồng, B thua hết 64.500.000 đồng. Trương Hữu L chia cho mình 25.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L lấy 25.000.000 đồng, Bùi Thanh T 8.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 68.500.000 đồng.

3. Hành vi đánh bạc và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phan Công T: Do biết Phan Công T làm nghề giày dép nên Trương Hữu L giao cho Nguyễn Thị Trúc L liên lạc với Phan Công T giả vờ làm hợp đồng mua Giày dép của anh T, rủ anh T đến ăn uống. Sau khi ăn uống xong, cả nhóm rủ Thắng đến nhà nghỉ T, đường T, phường V, Thành phố H để đánh bạc, như sau:

- *Lần 1:* Ngày 21/3/2021, tại nhà nghỉ T, đường T, phường V, thành phố H. Trương Hữu L đem theo 5.000.000 đồng, Phạm H đem theo 2.000.000 đồng và đối tượng tên là T (không xác định được họ tên, địa chỉ), T không đem theo tiền nên được cho mượn tiền để đánh bài cào. Cách thức đánh cào là lấy bộ bài gồm 52 lá, người chơi thay nhau chia bài, mỗi người chơi được chia 3 lá sau đó cộng lại ai lớn điểm hơn hoặc có 3 lá bài được quy ước là lớn hơn thì thắng. Khi đánh

thì Trương Hữu L, Phạm H, Nguyễn Thị Trúc L và T chia thêm bài cho nhau để thắng một mình Phan Công T.

Kết thúc hành vi đánh cờ bạc bịp Trương Hữu L, Phạm H đã thắng Phan Công T số tiền 190.000.000 đồng. Trương Hữu L và Nguyễn Thị Trúc L đòi nợ được 190.000.000 đồng. Trương Hữu L được chia 40.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L được chia 32.000.000 đồng, Phạm H được chia 25.000.000 đồng. Ngoài ra L cùng đồng phạm có sử dụng một số tiền không nhớ bao nhiêu tiêu xài với nhau. Đối tượng T cần bao nhiêu tiền không xác định được. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 197.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 27/3/2021, tại nhà nghỉ B Khang, phường P, thành phố H. Trương Hữu L đem theo 4.000.000 đồng, Phạm H đem theo 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Tuyết S đem theo 1.000.000 đồng còn Nguyễn Thị Trúc L không mang theo tiền, Phan Công T không đem theo tiền nên khi đánh bạc bằng hình thức đánh bài xì lác thì mượn tiền để đánh và ghi nợ. Với thủ đoạn nêu trên L và đồng bọn chiếm đoạt của Phan Công T 280.000.000 đồng. Sau đó, Trương Hữu L và Phạm H đòi nợ được 280.000.000 đồng. Trương Hữu L được chia 75.000.000 đồng, Nguyễn Thị Trúc L được chia 75.000.000 đồng, Phạm H được chia 50.000.000 đồng, Nguyễn Thị Tuyết S được chia 27.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 287.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Thành C 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/4/2021 đến ngày 03/11/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S 02 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 01 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Công T 01 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Phan Công T, Nguyễn Hữu A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Thành C và Nguyễn Thị Tuyết S vắng mặt, có đơn tự nguyện xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; các bị cáo Nguyễn Hữu A và Phan Công T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Võ Thành C và Nguyễn Thị Tuyết S; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Luận cứ bào chữa của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Công T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Công T, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S nộp đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S kể từ ngày đình chỉ.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T, thấy rằng:

[2.1]. Về tội danh:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 3 năm 2021, trên địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, các đối tượng Trương Hữu L, Nguyễn Thị Trúc L, Võ Thành C, Bùi Thanh T, Phạm H, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thị Tuyết S đã thống nhất cùng nhau dùng thủ đoạn gian dối giả đặt mua hàng hoá, xây dựng nhà cửa, đặt ăn nhà hàng để tiếp cận, rủ rê ăn nhậu và lôi kéo 05 người bị hại tham gia việc đánh bạc bịp mà chúng đã chuẩn bị từ trước bằng các hình thức như: xì lát, xì tẩy, xóc đĩa, đánh bài cào rồi chiếm đoạt tài sản của những người bị hại tổng cộng 1.214.500.000đ. Khi nhận được sự rủ rê của nhóm Trương Hữu L, Nguyễn Hữu A và Phan Công T đã cùng tham gia đánh bạc nhằm mục đích được thua bằng tiền, cụ thể:

Trong khoảng thời gian vào cuối tháng 12/2020, Nguyễn Hữu A tham gia đánh bạc 03 lần bằng các hình thức đánh xì lát, xì tẩy với Trương Hữu L, Nguyễn Thị Tuyết S, Võ Thành C, Nguyễn Thị Trúc L, Bùi Thanh T, Nguyễn Thị Tuyết S và các đối tượng tên T, U (không rõ lai lịch). Tổng số tiền Nguyễn Hữu A dùng vào đánh bạc trong 03 lần là 556.700.000đ.

Ngày 21/3/2020 và ngày 27/3/2020, Phan Công T 02 lần tham gia đánh bạc bằng các hình thức chơi bài xì lát, bài cào với các bị cáo Trương Hữu L, Phạm H, Nguyễn Thị Trúc L, Nguyễn Thị Tuyết S và đối tượng tên T (không rõ lai lịch). Tổng số tiền Phan Công T dùng vào đánh bạc là 484.000.000đ.

Như vậy, Nguyễn Hữu A và Phan Công T có hành vi đánh bạc trái phép nhằm mục đích được thua bằng tiền, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là trên 50.000.000đ nên phạm vào tội “*Đánh bạc*”. Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Nguyễn Hữu A, Phan Công T về tội “*Đánh bạc*” là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong vụ án này, các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, Nguyễn Hữu A, Phan Công T nhận thức rõ được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý và trực tiếp thực hiện. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với từng bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Toà cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tội phạm các bị cáo thực hiện là tội nghiêm trọng, các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục. Hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu A 01 năm 03 tháng tù, Phan Công T 01 năm tù đều dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và nằm trong khung hình phạt nhẹ hơn liền kề nên hình phạt này là không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của các bị cáo Phan Công T, Nguyễn Hữu A; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

[3]. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Hữu A và Phan Công T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S. Bản án sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 31/10/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Võ Thành C, Nguyễn Thị Tuyết S kể từ ngày ra quyết định đình chỉ (ngày 25/4/2023).

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu A và Phan Công T; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A 01 năm 03 tháng tù về tội ‘*Đánh bạc*’. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Công T 01 năm tù về tội ‘*Đánh bạc*’. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Hữu A và Phan Công T phải chịu mỗi bị cáo 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên